

Phụ lục 1

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI: 18- 24 THÁNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Bé và các bạn (4 tuần)	- Bé vui đón tết trung thu	Tuần 1	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 13/9/2024
		-Bé biết nhiều thứ	Tuần 2	Từ ngày 16/9/2024 đến ngày 20/9/2024
		- Các bạn của bé	Tuần 3	Từ ngày 23/9/2024 đến ngày 27/9/2024
		- Bé và các bạn cùng chơi	Tuần 4	Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 04/10/2024
2	Đồ chơi của bé Ngày vui 20/10 (4 tuần)	- Đồ chơi của bé	Tuần 5	Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 11/10/2024
		-Ngày vui 20/10	Tuần 6	Từ ngày14/10/2024 đến ngày18/10/2024
		-Đồ dùng của bé	Tuần 7,8	Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 01/11/2024
3	Cô giáo trong trường mầm non (3 tuần)	- Cô giáo lớp em	Tuần 9	Từ ngày 04/11/2024 đến ngày 08/11/2024
		- Các cô giáo trong trường mầm non	Tuần 10	Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo	Tuần 11	Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 22/11/2024
4	Mẹ và những người thân của bé- Ngày tết của chú bộ đội (5 tuần)	- Mẹ của bé	Tuần 12	Từ ngày 25/11/2024 đến ngày 29/11/2024
		- Bé với những người thân trong gia đình	Tuần 13	Từ ngày 02/12/2024 đến ngày 06/12/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé yêu	Tuần 14	Từ ngày 09/12/2024 đến ngày 13/12/2024
		- Ngày tết chú Bộ Đội	Tuần 15	Từ ngày 16/12/2024 đến ngày 20/12/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé yêu	Tuần 16	Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2025
5	Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp- Bé vui đón	-Bé thích ăn rau gì?	Tuần 17,18	Từ ngày 30/12/2025 đến ngày 10/1/2025
		- Bông hoa bé thích	Tuần 19	Từ ngày 13/1/2025

	tết- Ngày vui 8/3 (9 tuần)			đến ngày 17/1/2025
		- Bé vui đón tết Nguyên Đán	Tuần 20	Từ ngày 20/1/2025 đến ngày 24/1/2025
		- Bông hoa bé thích	Tuần 21	Từ ngày 10/2/2025 đến ngày 14/2/2025
		-Bé thích ăn quả gì?	Tuần 22,23	Từ ngày 17/2/2025 đến ngày 28/2/2025
		- Ngày vui 8/3	Tuần 24	Từ ngày 03/3/2025 đến ngày 07/3/2025
		-Bé thích ăn quả gì?	Tuần 25	Từ ngày 10/3/2025 đến ngày 14/3/2025
6	Những con vật đáng yêu (6 tuần)	- Một số con vật nuôi trong gia đình	Tuần 26,27	Từ ngày 17/3/2025 đến ngày 28/3/2025
		- Một số con vật sống dưới nước	Tuần 28,29	Từ ngày 31/3/2025 đến ngày 11/4/2025
		- Một số con vật sống trong rừng	Tuần 30,31	Từ ngày 14/4/2025 đến ngày 25/4/2025
7	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? (4 tuần)	- Phương tiện và quy định GT đường bộ, đường sắt	Tuần 32,33	Từ ngày 28/4/2025 đến ngày 09/5/2025
		- Phương tiện và quy định đường thủy	Tuần 34	Từ ngày 12/5/2025 đến ngày 16/5/2025
		- Phương tiện và quy định đường hàng không	Tuần 35	Từ ngày 19/5/2025 đến ngày 23/5/2025
	Tổng		35 tuần	

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CS-GD TRẺ
KHỐI NHÀ TRẺ 18-24 THÁNG
NĂM HỌC 2024 - 2025**

A, KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
I. NUÔI DƯỠNG	Ăn uống: a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. b. Chăm sóc bữa ăn - Trước khi ăn: + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi - Trong khi ăn: + Trong khi cho trẻ ăn cô cần quan tâm đến đặc điểm từng trẻ như: Trẻ mới tập ăn cơm, trẻ ăn chậm, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy, cô tạo	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng	

	không khí thoải mái và khuyến khích trẻ ăn hết suất, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn, không ép trẻ khi trẻ không muốn ăn hoặc nôn trớ +Xếp những trẻ yếu, ăn chậm và suy dinh dưỡng riêng 1 bàn để tiện chăm sóc. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Không nên cho trẻ ăn, uống khi trẻ ho, khóc hoặc ngủ gật để tránh hóc và sặc. Khi trẻ ăn, uống không bịt mũi hoặc ngáng miệng bắt trẻ nuốt - Sau khi ăn: +Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ 2. Tổ chức giấc ngủ: *Trước khi trẻ ngủ: - Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 120 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. +Cô cho trẻ ngồi bô đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quả chiều.	- Giáo viên và trẻ	
II.VỆ SINH	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo 2. Vệ sinh cá nhân trẻ +Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng +Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN: -Cô rửa tay, lau mặt cho trẻ theo đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh. Vừa làm vừa hướng dẫn từng thao	-Giáo viên	
		-Giáo viên và trẻ	

	tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. 3. Vệ sinh môi trường, nhóm lớp: + Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ thò tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hằng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm - Hằng ngày trước khi trẻ đến lớp, cô mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng học được thông thoáng. - Quét nhà thường xuyên khi phòng nhóm bẩn và sử dụng nước lau nhà để lau sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ và khô ráo. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch : nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống	-Giáo viên	
		-Giáo viên	
		-BGH	
III.CHĂM SÓC SỨC KHỎE	1.Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: -Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trạm y tế xã để sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa cho trẻ.	-Y tế phối hợp với trạm y tế để thực hiện	

	+ <i>Để theo dõi phát triển thể lực của trẻ qua biểu đồ:</i> - Vào tháng 9 và tháng 12, tháng 3 trẻ được theo dõi cân nặng và đo chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 trên biểu đồ nhằm phát hiện những trẻ suy dinh thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc trẻ. 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + <i>Tiêm chủng, phòng dịch</i> - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. + <i>Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm</i> - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lý và chăm sóc trẻ ốm tại trường.	-Giáo viên phối hợp với phụ huynh	
IV.AN TOÀN	1. An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVN đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.	-Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
V. CHĂM SÓC TRẺ	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ	- Giáo viên phối hợp với	

SUY DINH DƯỠNG	- Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân dưới 2%, thể thấp còi dưới 3%, thừa cân, béo phì dưới 0,5%.	nhà trường, phụ huynh để thực hiện	
-----------------------	--	------------------------------------	--

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi *Trẻ trai: Cân nặng từ 8.2 đến 15.3 (kg) Chiều cao: Từ 76.9 đến 93.2 (cm) *Trẻ gái: Cân nặng 8.1 đến 14.8 (kg) Chiều cao: Từ 74.9 đến 92.9 (cm)	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.
MT3. Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh
MT4. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.
MT5. Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Làm quen với chế độ ngủ 1 giấc
MT6. Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. <i>Lồng ghép trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ theo thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định.</i>
MT7. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. <i>Lồng ghép trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ theo thông tư</i>

	45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định.
b. Phát triển vận động	
MT8. Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	-Hô hấp: Tập hít, thở - Tay: Tay giơ cao, Tay đưa phía trước, Tay đưa sang ngang, Tay ra sau - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, Nghiêng người sang hai bên . - Chân: Dạng sang 2 bên, Ngồi xuống, đứng lên.
MT9. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2 m	- Đi theo hướng thẳng - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua vật cản - Bước lên xuống bậc - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay
MT10. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô	-Ngồi lăn bóng - Tung- bắt bóng cùng cô. - Lăn bóng vào đích
MT11. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản	-Bò, trườn tới đích. - Bò chui (dưới dây / gậy kê cao). -Bò chui qua vòng - Bò có mang vật trên lưng
MT12. Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	-Ném bóng về phía trước - Đá bóng về phía trước - Ném bóng qua dây
MT13. Trẻ biết nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	-Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gỡ, đóng đồ vật. - Đóng mở nắp có ren. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. - Xâu vòng bằng các đồ chơi con giống - Xâu vòng bằng các vòng có màu sắc khác nhau - Xâu 3,4 đồ chơi các quả thành vòng - Xâu 5,6 đồ chơi các quả thành vòng <i>Lồng ghép trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ theo thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định.</i>
MT14. Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	-Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối - Bé tháo lắp vòng - Bé lồng hộp - Xếp cái nhà - Xếp ô tô - Xếp đường đi - Xếp tàu hỏa

2. Phát triển nhận thức	
MT15. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác. + Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. + Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. + Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.
MT16. Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	+ Tên của bản thân; + Hình ảnh của bản thân trong gương; + Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp. - Gia đình bé
MT17. Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT18. Trẻ chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	+ Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Tên phương tiện giao thông gần gũi. + Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Đồ dùng của bé - Con chó- con mèo, con lợn- con bò... - Quả cam, chuối, dưa; đu đủ- cà chua...
MT19. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	+ Màu đỏ, xanh; + Kích thước to - nhỏ. + Phân biệt to-nhỏ - Chọn đồ chơi to-nhỏ - Chọn đồ dùng to- nhỏ - Chọn các đồ chơi con vật màu đỏ - Chọn đồ chơi các quả màu xanh - Chọn các đồ chơi con vật màu xanh - Chọn các quả màu xanh, đỏ - Chọn các quả có kích thước to-nhỏ
3. Phát triển ngôn ngữ	
MT20. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay...	+ Nghe lời nói với các sắc thái tình cảm khác nhau. + Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. + Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.
MT21. Trẻ hiểu được từ “Không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”, “Không được sờ!”.	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”, “Làm gì?”, “Ở đâu?”... “Thế nào?”, “Để làm gì?”, “Tại sao?”.... bằng 1- 2 câu đơn giản, câu dài
MT22. Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”...	* Bé và các bạn - Giờ ăn của bé; Bé làm được việc gì * Đồ chơi của bé - Chiếc xích đu màu đỏ; Chú gấu con ngoan; Sóc nâu nhanh trí * Cô giáo trong trường mầm non

	- Cô và các bạn xem hoa *Mẹ và những người thân của bé - Cả nhà ăn dưa hấu; Cháu chào ông ạ; ; Xếp nhà cho gia đình búp bê (Sưu Tầm); Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo); Mẹ tắm cho bé * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp Quả thị (Nguyễn Thái Duy); Cây táo (Chế Thủy Như); Thỏ con đón Tết, cô và các bạn xem hoa * Những con vật đáng yêu Thỏ con ăn gì? (Lam Hồng); Thỏ ngoan, Bé cho gà ăn; thỏ con không vâng lời, đôi bạn nhỏ * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? Xe lu và xe ca; Vì sao Thỏ cắt đuôi;
MT23. Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Nói được câu đơn giản, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động quen thuộc - Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau + Trò chuyện, chào hỏi + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề quan tâm hư: “ con gì đây?” “ Cái gì đây”?... - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT24. Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	* Đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố... - Dung dăng dung dẻ - Chi chi chành chành - Nu na nu nống - Kéo cưa lừa xẻ - Tay đẹp..... * Bé và các bạn - Bạn mới (Nguyệt Mai); Miệng xinh * Đồ chơi của bé - Đi dép; Chia đồ chơi; Giờ chơi (Lê Thị Hoa) * Cô giáo trong trường mầm non Mẹ và cô, Cô giáo của em *Mẹ và những người thân của bé - Yêu Mẹ (Nguyệt Mai); Bàn ghế (Sưu Tầm); Bé chờ mong (Hoàng Thị Minh Khang); Mẹ và con; Chối ngoan * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp - Hoa nở (Võ Quảng); Cây Bắp cải (Phạm Hồ); Tết và bạn nhỏ (Phạm Viên Trọng Bảo); Đi chợ

	tết; Củ cà rốt; Hoa đào, quả thị * Những con vật đáng yêu Con cá vàng (Lam Hồng); Con voi; gọi nghé; đàn bò, chú gà con, con cua, tìm ổ * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? Xe đạp; Con tàu (Định Hải); Xe chữa cháy
MT25. Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm...	Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm...
MT26. Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
MT27. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.
MT28. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	-Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh - Giao tiếp với cô và bạn.
MT29. Trẻ Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh	
MT30. Trẻ Thích chơi với đồ chơi, có đặc yêu thích và quan sát một số con vật.	-Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
MT31. Trẻ biết Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ"
MT32. Trẻ biết Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé,...).
MT33. Trẻ Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp - Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng, đồ chơi - Dạy trẻ kỹ năng không vùi vãnh mua quà
MT34. Trẻ Thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	+ Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. + Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. * Bé và các bạn - Lời chào buổi sáng (Nguyễn Thị Nhung); Bé và trăng; Nụ cười xinh; rước đèn * Đồ chơi của bé

	- Đôi dép (Hoàng Kim Định); Chiếc khăn tay (Văn Tấn); Quả bóng, Em búp bê, tập tầm vông * Cô giáo trong trường mầm non - Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Vui đến trường * Mẹ và những người thân của bé - Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Cháu yêu bà (Xuân Giao); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp Cây bắp cải, Lý cây xanh, Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Bé và hoa, Bé chúc tết, sắp đến tết rồi; ra vườn hoa em chơi * Những con vật đáng yêu - Con gà trống (Tân Huyền); Một con vịt (Kim Duyên); Rửa mặt như mèo,Ếch ộp (Văn Chung); Voi Làm xiếc (Nhạc và lời: Phan Hiền); Con chim non (Lý Trọng); cò lả * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? - Lái ô tô (Đoàn Phi); Em Tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đèn đỏ đèn xanh (Nhạc: Lương Vĩnh. Thơ Thế Hội); Tàu hỏa, Đoàn tàu nhỏ xíu
MT35. Trẻ Thích vẽ, xem tranh.	+ Tập cầm bút vẽ. + Xem tranh.